

Số: 115/2020/QĐST-HNGĐ

K, ngày 15 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 139/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/8/2020 giữa:
Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1989; ĐKKHKT: Xóm K, xã V,
huyện K, tỉnh Ninh Bình. Hiện ở: Kiốt số 6, phố X, phường P, quận H, thành phố
Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989; ĐKKH và chỗ ở: Xóm K, xã
V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ
Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07
tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong
biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 9 năm
2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo
đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly
hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận
đó.

QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị N với anh Nguyễn Văn
D.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận để anh D trực tiếp
nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng là Nguyễn Trung K, sinh ngày
11/8/2012 và Nguyễn Ngọc Hà V, sinh ngày 15/5/2015. Chị N có trách nhiệm
đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh D mỗi con là 2.000.000^d/1 tháng (cả
hai con là 4.000.000^d/1 tháng) kể từ tháng 9/2020 đến khi các con chung thành
niên; không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn D thỏa thuận để chị N nộp
toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^d và án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000^d, tổng số

tiền án phí phải nộp là 300.000^d, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2406 ngày 21/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T,
huyện C, Hà Nội ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh